Chi tiết mã HS 2939.20.90

Mã HS	2939.20.90
Mô tả hàng hóa	Alkaloit, tự nhiên hoặc tái tạo bằng phương pháp tổng hợp, và các muối, ete, este và các dẫn xuất khác của chúng / - Alkaloit của cây canh-ki-na và dẫn xuất của chúng; muối của chúng: / - - Loại khác
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	11/11/2026 16:07:33
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/29392090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4449
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4449
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4449
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4407
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4368
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4368
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4368
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4368
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4368
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4368
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4406
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4406
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4406

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4406
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4406
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4406
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4410
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4410
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4410
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4410
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4410
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4410
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4410
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4374
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4370
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4370
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4370
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4370
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4370
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4370
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4370
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4370
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4370
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4370
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4370
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4370
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4417
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4417
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4417

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4417
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4417
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4417
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D4414
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E4414
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F4414
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G4414
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H4414
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I4414
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4422
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4422
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4422
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4422
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4422
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4422
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4393
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4393
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4393
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4393
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4393
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4393
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4395
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4395
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4395
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4395
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4395

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4395
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4393
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4393
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4393
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4393
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4393
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4393
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4393
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4414
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4414
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4414
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4414
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4414
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4414
RCEP B	2022	2022	0	B!D4414
RCEP B	2023	2023	0	B!E4414
RCEP B	2024	2024	0	B!F4414
RCEP B	2025	2025	0	B!G4414
RCEP B	2026	2026	0	B!H4414
RCEP B	2027	2027	0	B!I4414
RCEP C	2022	2022	0	C!D4414
RCEP C	2023	2023	0	C!E4414
RCEP C	2024	2024	0	C!F4414
RCEP C	2025	2025	0	C!G4414
RCEP C	2026	2026	0	C!H4414
RCEP C	2027	2027	0	C!I4414

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D4414
RCEP D	2023	2023	0	D!E4414
RCEP D	2024	2024	0	D!F4414
RCEP D	2025	2025	0	D!G4414
RCEP D	2026	2026	0	D!H4414
RCEP D	2027	2027	0	D!I4414
RCEP E	2022	2022	0	E!D4417
RCEP E	2023	2023	0	E!E4417
RCEP E	2024	2024	0	E!F4417
RCEP E	2025	2025	0	E!G4417
RCEP E	2026	2026	0	E!H4417
RCEP E	2027	2027	0	E!I4417
RCEP F	2022	2022	0	F!D4414
RCEP F	2023	2023	0	F!E4414
RCEP F	2024	2024	0	F!F4414
RCEP F	2025	2025	0	F!G4414
RCEP F	2026	2026	0	F!H4414
RCEP F	2027	2027	0	F!I4414
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4062
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4062
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4062
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4062

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 2939.20 có 2 dòng thuế; dòng 2939.20.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	2939.20.10 Quinine và các muối của nó	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2939.20.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2939.20.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4449), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.